

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2019/HS-ST
Ngày 12 - 12 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Xuân Thọ;

- Bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 143/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị S, sinh ngày 30/7/1988, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: C nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị L; chồng: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985; con: 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt);

Bị hại:

- Chị Đỗ Thị Mai Q, sinh năm 1987;

- Anh Hoàng Minh A, sinh năm 1984;

Đều cư trú: Số 92 Nguyễn Văn C, phường B, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị S và chị Đỗ Thị Mai Q là đồng nghiệp làm cùng C ty HP Vĩnh Phúc có địa chỉ tại phường P, thành phố H. Khoảng cuối tháng 8/2019, trong khi làm việc tại C ty HP, S nhặt được 01 chùm chìa khóa (4 - 5 chiếc), nghĩ rằng là chìa khóa của C ty nên S đem đi photo thêm 1 chùm nữa, cất ở trong cốp xe, mục đích T cho C việc dọn vệ sinh. Đến buổi chiều cùng ngày, chị Q nói chuyện bị rơi một chùm chìa khoá, S đưa chùm chìa khoá gốc ra và hỏi chị Q “Có phải chùm chìa khóa này không”, chị Q xác định là chìa khóa nhà mình nên S trả lại

chùm chìa khoá gốc cho chị Q, còn chùm chìa khóa photo thì S vẫn để ở cốp xe máy, không trả lại cho chị Q.

Khoảng 8 giờ ngày 10/9/2019, S nhận được thông báo con gái bị sốt và đau răng, S mở cốp xe máy lấy đồ cá nhân để về nhà thì phát hiện chùm chìa khoá photo của nhà chị Q, do không có tiền tiêu, lại sẵn có chùm chìa khoá nhà chị Q và do nhiều lần đến nhà chị Q chơi, biết ban ngày nhà chị Q không có ai ở nhà nên S nảy sinh ý định đến nhà chị Q trộm cắp tài sản. Do hôm trước nghỉ lại C ty, xe của S để bên trong lán xe, không dắt ra được, đúng lúc này có anh Nguyễn Văn C là đồng nghiệp cùng C ty đến làm việc nên S mượn xe máy nhãn hiệu Honda Airblade của anh C để đến nhà chị Q trộm cắp tài sản trước khi về nhà ở T, B. Khi đi S mặc áo mưa màu trắng, đỏ và đội mũ bảo hiểm màu vàng điều khiển xe máy đi từ thành phố H đến thành phố K, vào cửa hàng tạp hoá của gia đình ông Trần Quốc K ở số nhà 122 đường Nguyễn Văn C, phường B, thành phố K thì dựng xe ngoài cửa quán rồi đi vào mua sữa. Khoảng 9 giờ cùng ngày, sau khi mua sữa, S gửi xe máy tại quán tạp hoá, đi bộ sang nhà chị Q ở số nhà 92 đường Nguyễn Văn C. S lấy chùm chìa khóa photo mở khóa cửa xếp và cửa kính để đi vào nhà chị Q, quan sát thấy trên bàn thu ngân có đầu ghi camera nên S đi đến rút ổ điện rồi đem vào nhà tắm tầng ở 1 ném vào chậu nước. Sau đó S đi lên tầng 2 vào phòng ngủ của vợ chồng chị Q thì phát hiện trong phòng có một tủ gỗ, S đi đến kiểm tra thấy tủ gỗ không khoá nên mở cửa tủ thì thấy ở đáy tủ có một chiếc ví màu trắng kích thước (10 x 20)cm, bên trong có số tiền 2.200.000đ gồm tiền mệnh giá 100.000đ, 200.000đ và 01 hộp trang sức đựng 02 nhẫn kim loại màu vàng, S lấy toàn bộ số tiền và nhẫn vàng trong ví để vào túi nilon đựng đồ cá nhân của S đem theo từ trước. Khi đóng cửa tủ thì có một chiếc áo khoác rơi xuống đáy tủ, S nhặt lên để móc treo thì phát hiện trong túi áo có số tiền 28.900.000đ, gồm các tờ tiền mệnh giá 200.000đ và 500.000đ, S tiếp tục lấy số tiền này để vào túi nilon của mình rồi đóng cửa tủ. Sau khi đi sang phòng bên cạnh kiểm tra nhưng không có tài sản gì nên S bỏ ra phòng khách trên tầng 2 thấy đầu ghi camera để trên bàn máy vi tính, S đi đến rút ổ điện ra rồi cầm vào nhà tắm tầng 2 ném vào chậu nước. Sau đó, S đi xuống tầng 1, khép cửa nhưng không khoá, đi ra khỏi nhà chị Q đến lấy xe máy để ở cửa hàng tạp hóa rồi đi về nhà. Khi về đến nhà, S cất số tiền 29.800.000đ và 02 nhẫn vàng vào tủ của vợ chồng S còn số tiền 2.200.000đ S để chung với tiền của S để tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày S quay lại C ty làm việc, trên đường đi S ném bỏ chùm chìa khóa photo xuống sông ven đường (S không nhớ rõ vị trí).

Ngày 10/9/2019, chị Q và anh Hoàng Minh A là chồng của chị Q đi làm về, phát hiện gia đình bị trộm cắp tài sản nên anh A đã trình báo C an phường B.

Ngày 10/9/2019, ông Trần Quốc K, là chủ cửa hàng tạp hoá số 122, đường Nguyễn Văn C, cạnh nhà chị Q tự nguyện giao nộp 01 video lưu trữ trong USB được trích từ camera an ninh của cửa hàng tạp hoá, cùng ngày chị Q giao nộp 01 video lưu trữ trong USB được trích từ điện thoại của chị Q. Ngày

11/9/2019, Nguyễn Thị S tự nguyện giao nộp 02 nhẫn tròn kim loại màu vàng và số tiền 29.800.000đ.

Ngày 16/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K ra quyết định trưng cầu giám định số 642 yêu cầu Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an giám định vật chất, hàm lượng, khối lượng của 02 nhẫn kim loại màu vàng. Tại kết luận giám định số 5419/C09(P4) ngày 25/9/2019 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an kết luận:

+ 01 nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, bên trong có chữ và số “BÌNH YÊN 1 CHỈ 9999” có khối lượng 3,74g, là vàng (Au), hàm lượng %Au: 99,64%.

+ 01 nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, bên trong có chữ và số “XUÂN TRƯỜNG 9999” có khối lượng 3,74g, là vàng (Au), hàm lượng %Au: 98,14%.

Hoàn lại giám định gồm toàn bộ vật chứng còn lại sau giám định, có biên bản hoàn trả mẫu vật kèm theo (BL: 34-36).

Ngày 18/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K có Công văn số 798 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố K tiến hành định giá đối với 02 chiếc nhẫn vàng. Tại kết luận định giá số 202/KL-HĐĐG ngày 25/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố K kết luận:

+ 01 nhẫn tròn trơn bằng vàng, bên trong có chữ và số “BÌNH YÊN 1 CHỈ 9999” có khối lượng 3,74g, trị giá 4.050.000đ.

+ 01 nhẫn tròn trơn bằng vàng, bên trong có chữ và số “XUÂN TRƯỜNG 9999” có khối lượng 3,74g, trị giá 4.050.000đ.

Tổng trị giá là 8.100.000 (BL: 57-58).

Tại Cáo trạng số: 148/CT-VKS ngày 15/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Nguyễn Thị S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Bị hại chị Đỗ Thị Mai Q và anh Hoàng Minh A tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra khai nhận: Ngày 10/9/2019, gia đình anh chị bị kẻ gian trộm cắp 32.000.000đ và 02 chỉ vàng trong tủ quần áo, 02 đầu quay camera bị dìm vào chậu nước. Anh chị đã trình báo Cơ quan Công an và đem đầu camera đi sửa thì đầu camera vẫn xem được hình ảnh người vào nhà anh chị trộm cắp là Nguyễn Thị S là người làm cùng Công ty với chị Q. Ngày 06/11/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Q số tiền 29.800.000đ và 02 chỉ vàng. Sau đó S đã trả tiếp cho chị Q số tiền 2.200.000đ. Nay anh chị đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường cho anh chị khoản tiền gì. (Bút lục 63 - 74).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Nguyễn Thị S giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm

tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S từ 01 năm 06 tháng – 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm – 4 năm; áp dụng: Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xác nhận cơ quan điều tra đã trả cho chị Đỗ Thị Mai Q và anh Hoàng Minh A 29.800.000đ và 02 chỉ vàng.

Bị cáo Nguyễn Thị S không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo S tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 10/9/2019, Nguyễn Thị S đến nhà chị Đỗ Thị Mai Q ở số nhà 92 đường Nguyễn Văn C, phường B, thành phố K, lợi dụng thời điểm không có ai ở nhà, S lén lút sử dụng chìa khoá phô tô mở cửa và trộm cắp của gia đình chị Q số tiền 32.000.000đ và 02 nhẫn vàng trị giá 8.100.000đ. Tổng trị giá tài sản S trộm cắp là 40.100.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . . thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 3 năm nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Bị cáo S không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội tích cực bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo S là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành người C dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định các bị cáo đang nuôi con nhỏ, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Arblade BKS 88E1- 164.69 S sử dụng để trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Văn C. Ngày 10/9/2019, S mượn xe của anh C để về nhà nhưng S lại đi trộm cắp tài sản, anh C không biết. Nên Cơ quan điều tra không thu giữ và xử lý chiếc xe máy trên.

Đối với 02 đầu ghi hình camera của gia đình chị Q bị S ném vào chậu nước. Chị Q đã đem 02 đầu ghi hình này đem đi sửa và vẫn sử dụng được. Chị Q và anh A không có đề nghị gì. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý S về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Q và anh A đã được Cơ quan điều tra trả lại số tiền 29.800.000đ và 02 chỉ vàng. Sau đó bị cáo S trả tiếp cho anh chị số tiền 2.200.000đ. Đến nay chị Q và anh A không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường khoản tiền gì nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị

cáo Nguyễn Thị S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 3 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố K;
- C an thành phố K;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án K;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường

